

SỞ CÔNG THƯƠNG GIA LAI
Đoàn thanh tra theo
Quyết định số 15/QĐ-SCT
Ngày 16/02/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Số: 08/CV- ĐTTr

V/v yêu cầu báo cáo nội dung
thanh tra

ĐỀ CƯƠNG THANH TRA

Kính gửi: Công ty Điện lực Gia Lai và các Điện lực trực thuộc

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-SCT ngày 16/02/2023 của Giám đốc Sở Công Thương Gia Lai về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực: điện lực; lao động; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại Công ty Điện lực Gia Lai và các Điện lực trực thuộc, gồm Điện lực: An Khê, Kông Chro, Kbang, Mang Yang, Đak Đoa.

Để phục vụ việc thanh tra, Đoàn thanh tra yêu cầu Công ty Điện lực Gia Lai và các Điện lực trực thuộc (*viết tắt là đơn vị*) báo cáo cho Đoàn thanh tra các nội dung liên quan như sau:

A. Nội dung thanh tra

I. Tình hình chung: Những vấn đề chung của đơn vị:

- Tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, năm thành lập, tên cơ quan chủ quản cấp trên (nếu có).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*giấy phép; giấy chứng nhận đầu tư*): số, ngày cấp, cơ quan cấp (nếu cấp đổi thì chỉ ghi đổi lần cuối cùng, ngày đổi, không ghi lần lượt từng lần đổi).
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu.
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Điện thoại giao dịch: Fax:
- Trụ sở chính của doanh nghiệp.
- Số tài khoản và tên, địa chỉ của các Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch.
- Tổ chức công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp (*lập danh sách trích ngang*).

II. Lĩnh vực hoạt động điện lực

Đối với Công ty Điện lực Gia Lai

1. Tình hình chung về quản lý vận hành, mua bán điện của đơn vị.

2. Kiểm tra Giấy phép hoạt động điện lực; kiểm tra việc duy trì các điều kiện và nội dung được cấp phép từng lĩnh vực hoạt động điện lực.

3. Kiểm tra công tác kinh doanh: Việc thực hiện các quy định về phân phối, bán buôn, bán lẻ điện; giá bán điện; giám sát mua bán điện:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao (sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất, giá bán điện bình quân).

- Công tác dịch vụ khách hàng.

- Công tác ký hợp đồng và quản lý hợp đồng mua bán điện.

- Công tác áp giá bán điện; giá mua điện.

- Công tác ghi chỉ số, phúc tra ghi chữ; kiểm tra lịch ghi chỉ số. Việc giao nhận sổ ghi điện; việc ghi điện của các dịch vụ bán lẻ điện.

- Công tác lập và quản lý hóa đơn bán điện các loại.

- Công tác thu tiền điện, theo dõi nợ tiền điện, biện pháp xử lý nợ khó đòi; Việc mở rộng các quầy thu lưu động, quan hệ với ngân hàng địa phương.

- Công tác quản lý hợp đồng dịch vụ.

4. Kế hoạch, quản lý đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn:

- Tình hình triển khai thực hiện cung cấp điện cho các khu công nghiệp tập trung, khu đô thị, khu du lịch, các cụm, điểm công nghiệp,...; việc phối hợp quản lý, vận hành các công trình điện lực thuộc tài sản của khách hàng.

- Công tác đầu tư xây dựng công trình, dự án:

- + Danh sách các công trình, dự án (do Công ty Điện lực Gia Lai làm chủ đầu tư) đã triển khai và tiến độ thực hiện.

- + Danh sách công trình, dự án Công ty Điện lực Gia Lai đã thực hiện thiết kế, giám sát, thẩm tra, thi công xây dựng.

5. Công tác quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành:

- Khối lượng đường dây và trạm biến áp của Điện lực Gia Lai và do khách hàng đầu tư; Công tác quản lý vận hành đối với các đường dây và trạm biến áp của khách hàng.

- Việc thực hiện các Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn ngành:

- + Quy định về Hệ thống điện phân phối (Về chất lượng điện năng, độ tin cậy, tổn thất điện năng, kế hoạch vận hành, kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm các trang thiết bị điện và lưới điện);

- + Điều kiện, trình tự, thủ tục ngừng, giảm mức cung cấp điện;

- + Thực hiện quy định về rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng.

- Công tác xây dựng, ban hành và quản lý các Quy trình vận hành, xử lý sự cố thiết bị; Quy trình bảo dưỡng thiết bị.

6. Công tác an toàn điện:

- Công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện cho đội ngũ công nhân trực tiếp vận hành.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp (hành lang, biển báo, tuyên truyền hướng dẫn về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả).

- Công tác kiểm tra, thí nghiệm định kỳ thiết bị lưới điện.

- Danh sách các công trình do Công ty Điện lực ký hợp đồng thí nghiệm công trình điện.

- Việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động trực tiếp.

- Quy trình xử lý sự cố, sửa chữa lưới điện.

- Quy trình thực hiện phiếu công tác, phiếu sửa chữa, quy trình đóng cắt, điện.

- Tổng số vụ vi phạm, công tác kiểm tra, xử lý các vụ vi phạm hành lang lưới điện.

- Công tác tổng hợp, báo cáo về hiện trạng vi phạm; biện pháp ngăn chặn phát sinh thêm và giảm các vụ vi phạm hành lang bảo vệ lưới điện.

- Danh sách các hộ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

- Các vị trí giao chéo giữa các đường điện cao áp với nhau; giữa đường giao thông và các đường điện cao áp do đơn vị quản lý, vận hành.

- + Kiểm tra hành lang bảo vệ lưới điện (Đoàn thanh tra sẽ lựa chọn một số công trình để kiểm tra theo quy định).

7. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm tra viên điện lực:

- Danh sách kiểm tra viên điện lực của đơn vị.

- Các vụ việc do kiểm tra viên điện lực kiểm tra, lập biên bản và kết quả giải quyết, xử lý (tổng số vụ vi phạm và số tiền truy thu, tổng số vụ đề nghị xử lý vi phạm hành chính và số vụ vi phạm).

- Việc thống kê, báo cáo các vụ xử lý vi phạm về hoạt động điện lực và sử dụng điện cho cơ quan có thẩm quyền.

8. Công tác giải quyết kiến nghị, khiếu nại của tổ chức, cá nhân sử dụng điện: Số vụ việc khiếu nại, tố cáo của khách hàng liên quan đến cung ứng điện; ngừng giảm cung cấp điện; tranh chấp hợp đồng mua bán điện; Kết quả giải quyết khiếu nại; Thủ tục cấp điện và kết quả giải quyết...).

9. Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác có liên quan đến hoạt động điện lực.

10. Việc thực hiện khắc phục các tồn tại do các đoàn kiểm tra, thanh tra trong năm 2022 đã chỉ ra.

Đối với các Điện lực trực thuộc

1. Việc thực hiện các quy định về phân phối và bán lẻ điện; giá bán điện:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được giao (sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất, giá bán điện bình quân).

- Công tác dịch vụ khách hàng.

- Công tác ký hợp đồng và quản lý hợp đồng mua bán điện.
- Công tác áp giá bán điện; giá mua điện.
- Công tác ghi chỉ số, phúc tra ghi chữ; kiểm tra lịch ghi chỉ số. Việc giao nhận sổ ghi điện; việc ghi điện của các dịch vụ bán lẻ điện.
- Công tác lập và quản lý hóa đơn bán điện các loại.
- Công tác thu tiền điện, theo dõi nợ tiền điện, biện pháp xử lý nợ khó đòi; Việc mở rộng các quầy thu lưu động, quan hệ với ngân hàng địa phương.
- Công tác quản lý hợp đồng dịch vụ.

2. Kiểm tra về an toàn điện

- Công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ an toàn điện cho đội ngũ công nhân trực tiếp vận hành.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp (hành lang, biển báo, tuyên truyền hướng dẫn về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả).

- Công tác kiểm tra, thí nghiệm định kỳ thiết bị lưới điện.
- Việc thực hiện chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động trực tiếp.
- Việc thống kê theo dõi, báo cáo về sự cố, tai nạn điện theo quy định.
- Quy trình xử lý sự cố, sửa chữa lưới điện.
- Quy trình thực hiện phiếu công tác, phiếu sửa chữa, quy trình đóng cắt, điện.
- Tổng số vụ vi phạm, công tác kiểm tra, xử lý các vụ vi phạm hành lang lưới điện.
- Công tác tổng hợp, báo cáo về hiện trạng vi phạm; biện pháp ngăn chặn phát sinh thêm và giảm các vụ vi phạm hành lang bảo vệ lưới điện.
- Danh sách các hộ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.
- Các vị trí giao chéo giữa các đường điện cao áp với nhau; giữa đường giao thông và các đường điện cao áp do đơn vị quản lý, vận hành.
- Kiểm tra hành lang bảo vệ lưới điện (Đoàn thanh tra sẽ lựa chọn một số công trình để kiểm tra theo quy định).

3. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm tra viên điện lực:

- Danh sách kiểm tra viên điện lực của đơn vị.
- Các vụ việc do kiểm tra viên điện lực kiểm tra, lập biên bản và kết quả giải quyết, xử lý (tổng số vụ vi phạm và số tiền truy thu, tổng số vụ đề nghị xử lý vi phạm hành chính và số vụ vi phạm).
- Việc thống kê, báo cáo các vụ xử lý vi phạm về hoạt động điện lực và sử dụng điện cho cơ quan có thẩm quyền.

4. Công tác giải quyết kiến nghị, khiếu nại của tổ chức, cá nhân sử dụng điện: Số vụ việc khiếu nại, tố cáo của khách hàng liên quan đến cung ứng điện;

ngừng giảm cung cấp điện; tranh chấp hợp đồng mua bán điện; Kết quả giải quyết khiếu nại; Thủ tục cấp điện và kết quả giải quyết...).

5. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình điện lực. (Đoàn thanh tra sẽ lựa chọn một số công trình để kiểm tra theo quy định).

6. Kiểm tra việc chấp hành các quy định khác có liên quan đến hoạt động điện lực.

II. Lĩnh vực pháp luật lao động (*Thực hiện Đối với Công ty Điện lực Gia Lai*)

Tình hình thực hiện pháp luật lao động

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương.

- Báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động 6 tháng, hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương.

2. Thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.

- Số người thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động.

- Số người đã ký kết hợp đồng lao động. Chia ra:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 tháng đến dưới 03 tháng.

+ Hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.

+ Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian.

- Số lao động thử việc, thời gian thử việc đối với người lao động.

- Số người lao động thuê lại; doanh nghiệp cho thuê lại lao động (tên, địa chỉ, số giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, đơn vị cấp giấy phép).

- Số người chưa được ký kết hợp đồng lao động, lý do.

*** Lao động đặc thù**

- Tổng số lao động nữ, lao động cao tuổi, lao động là người tàn tật, lao động chưa thành niên, lao động nước ngoài.

3. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Số lao động tuyển mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến Nay.

- Hình thức và phương thức tuyển.

- Việc thu phí tuyển dụng người lao động, thu tiền đặt cọc người lao động.

- Hình thức đào tạo.

- Thời gian thử việc người lao động.
- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề (nếu có).

4. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (có danh sách kèm theo).
- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường.
- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Việc thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi.
- Số giờ làm thêm hàng ngày, hàng tuần và hàng năm.
- Việc thực hiện các quy định về nghỉ việc riêng có lương.
- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động làm công việc bình thường; nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng.
- Thu nhập thấp nhất, cao nhất, bình quân.
- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng (*theo thời gian, theo sản phẩm, khoán*).
- Việc xây dựng và gửi hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động với cơ quan lao động cấp huyện.
- Tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, cách tính.
- Tiền lương làm việc vào ban đêm, cách tính.
- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động.
- Trả lương cho lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Cách tính.
- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm.
- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động.
- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động.
- Việc theo dõi việc trả lương cho người lao động của các cai thầu, cơ sở trung gian (nếu có).
- Tiền ăn ca (*nếu có*).

6. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (*Số liệu tính tại thời điểm thanh tra; đối với số người lao động của doanh nghiệp tại công trường,*)

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Số người đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, số người chưa tham gia (*lập danh sách kèm theo*); lý do chưa tham gia.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

7. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (*lập danh sách kèm theo*).

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (*lập danh sách kèm theo*).

- Lập kế hoạch, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động hằng năm.

- Việc đánh giá rủi ro tại nơi làm việc.

- Số cán bộ làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động (nếu có), trong đó số cán bộ chuyên trách.

- Số cán bộ làm công tác y tế (nếu có), trong đó bác sỹ.

- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên. Ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân của người lao động khi làm việc.

- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Việc tổ chức tự kiểm tra, đánh giá công tác an toàn, vệ sinh lao động tại công trình.

- Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, cụ thể:

Nhóm đối tượng huấn luyện	Số người đã được huấn luyện	Số người chưa được huấn luyện
Nhóm 1		
Nhóm 2		
Nhóm 3		
Nhóm 4		
Nhóm 5		
Nhóm 6		

- Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động năm 2022:

+ Đối với lao động bình thường: Số đã được khám ít nhất 01 lần trong năm. Số chưa được khám.

+ Đối với lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại: Số đã được khám ít nhất 06 tháng một lần. Số chưa được khám.

- Lập hồ sơ quản lý, theo dõi sức khỏe người lao động.

- Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Tổ chức quan trắc môi trường lao động: số mẫu đã đo, số mẫu đạt tiêu chuẩn và số mẫu không đạt tiêu chuẩn.

- Tổng số các loại máy, vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng (*lập danh sách kèm theo*), trong đó số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã kiểm định.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra, trong đó:

+ Tai nạn nhẹ: ... vụ (số người bị thương nhẹ:... người).

+ Tai nạn nặng: ... vụ (số người bị thương nhẹ:.... người; số người bị thương nặng:.... người).

+ Tai nạn chết người: ... vụ (số người bị thương nhẹ:.... người; số người bị thương nặng:..... người; số người bị chết:.... người).

- Số vụ tai nạn lao động đã được điều tra, lập biên bản. Số người bị tai nạn lao động đã được giám định sức khỏe.

8. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Xây dựng và đăng ký nội quy lao động.

- Việc niêm yết nội quy lao động tại đơn vị

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức (số liệu từ 01 tháng 01 năm 2021 đến nay); trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

- Việc báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi sa thải người lao động.

III. Lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Kiểm tra đo lường PTĐ nhóm 2- công tơ điện tại Điện lực An Khê.

Cụ thể: Kiểm tra về đo lường phương tiện đo nhóm 2 - Công tơ điện dùng trong mua bán điện theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

Đối tượng kiểm tra: Phương tiện đo và phép đo đối với hoạt động kinh doanh điện.

B. Thời kỳ thanh tra

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày công bố Quyết định thanh tra.

C. Thời gian gửi báo cáo

- Các đơn vị được thanh tra thực hiện ***báo cáo bằng văn bản*** theo nội dung tại điểm A của Đề cương này và gửi Đoàn thanh tra trong ngày công bố Quyết định thanh tra tại đơn vị.

- Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị được thanh tra và cán bộ chuyên môn có liên quan trực tiếp làm việc với Đoàn thanh tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐTTTr.

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA**CHÁNH THANH TRA**
Hoàng Hồng Điệp